CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP HTC Holding

Ngày 31/12/2024	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.2%	**-2.1%**	**-**

DT thuần
Q4/24
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼40.5| -100%

LN thuần
Q4/24
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -76.4%
YoY: ▲ 0.33| 112%

LN sau thuế
Q4/24
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.17| -83.1%
YoY: ▲ 0.25| 117%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
1.1%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE
2024
0.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

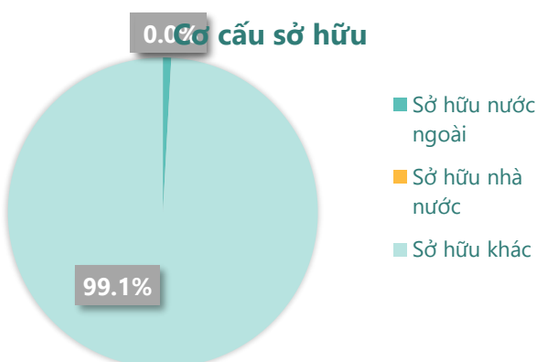
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,930
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	(0.12)
EPS	11
P/E	418.3

DT thuần
2024
85.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.50| -9.1%

LN thuần
2024
0.20
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04| 26.8%

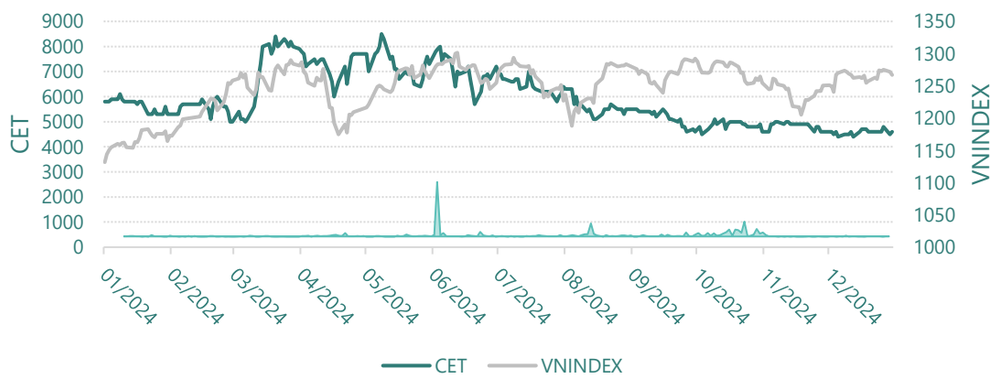
LN sau thuế
2024
0.07
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.04| -40.4%

Cơ cấu sở hữu

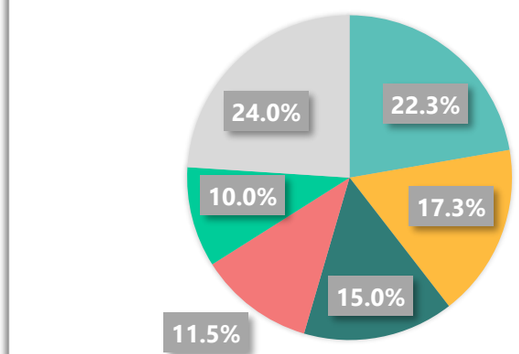


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



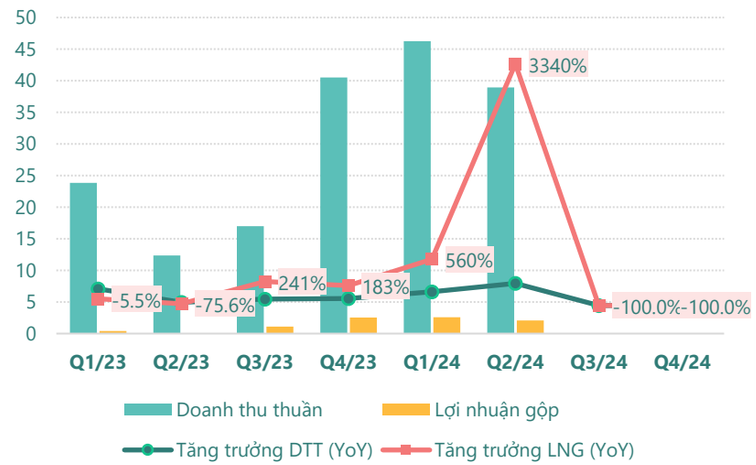
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

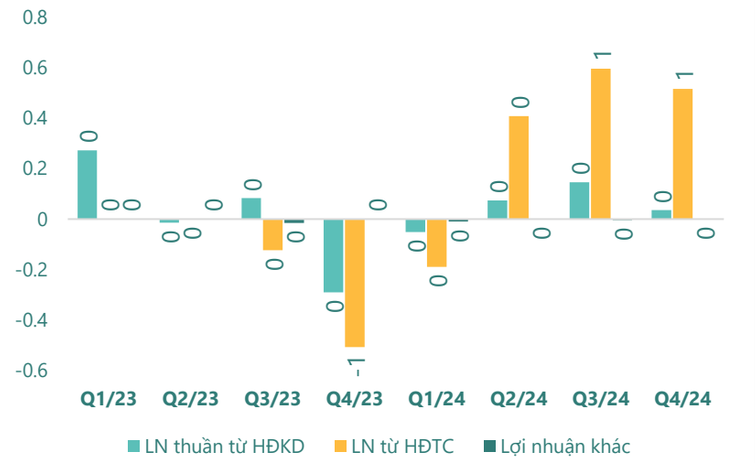
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



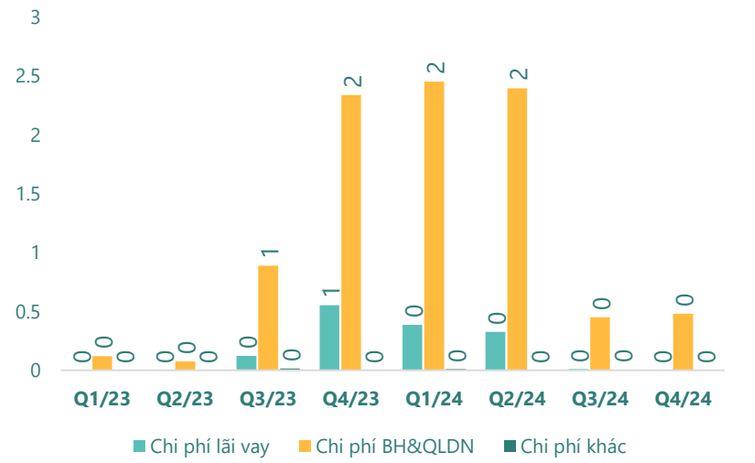
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



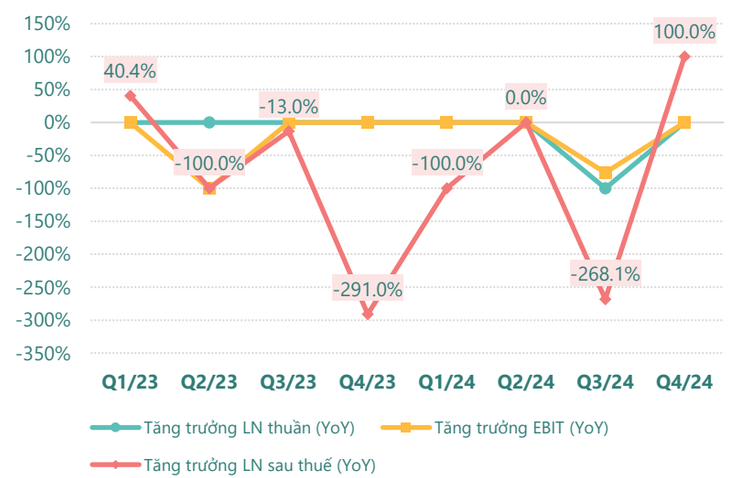
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



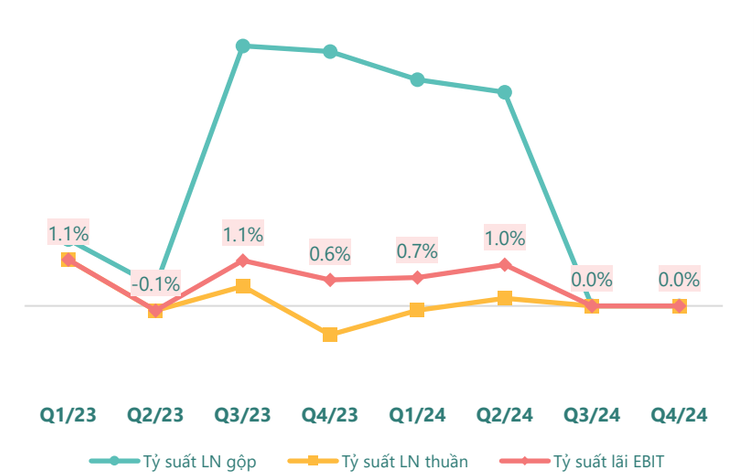
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



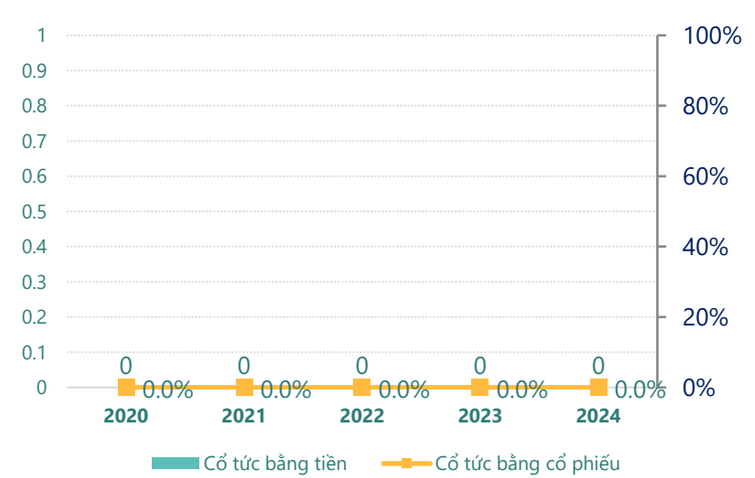
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

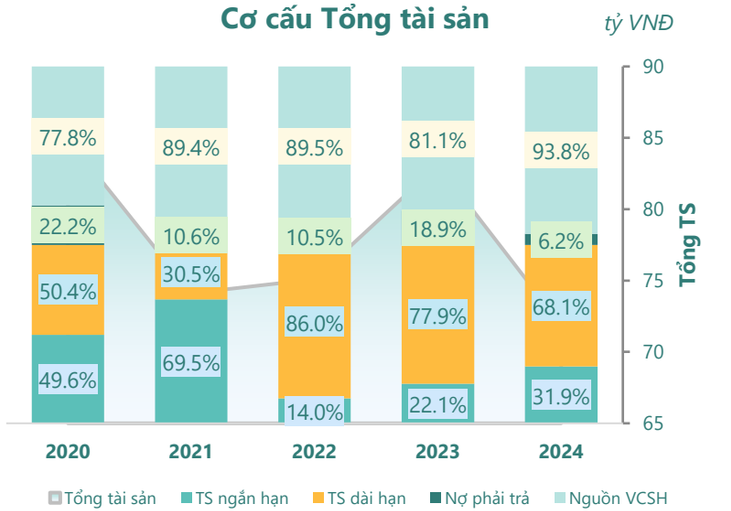
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

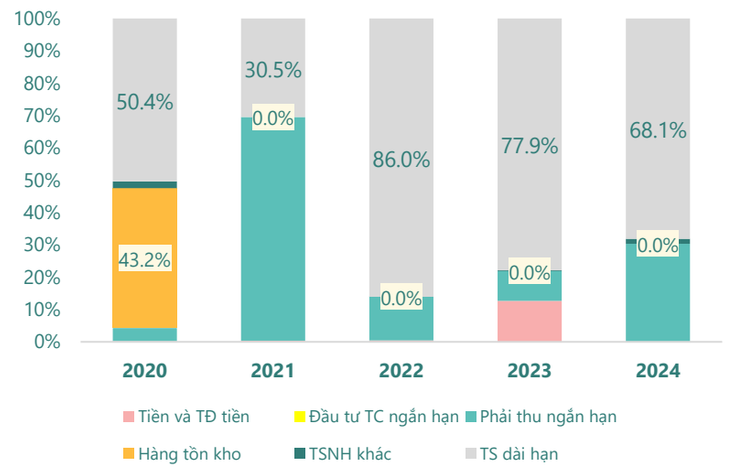
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



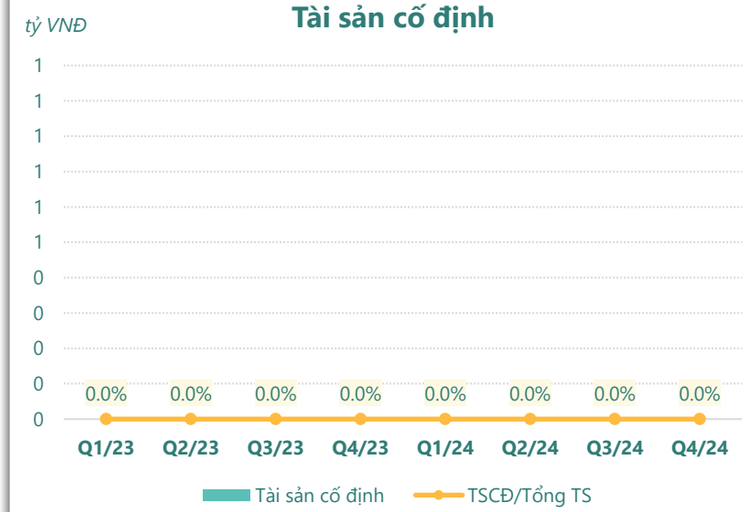
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



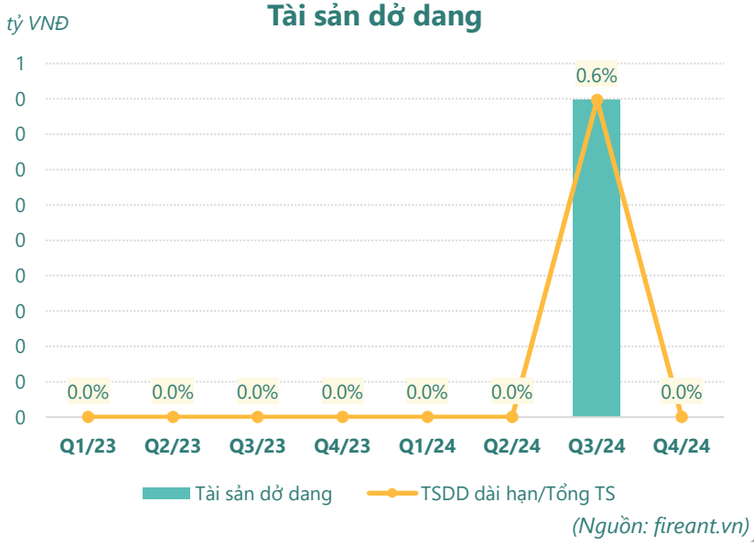
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



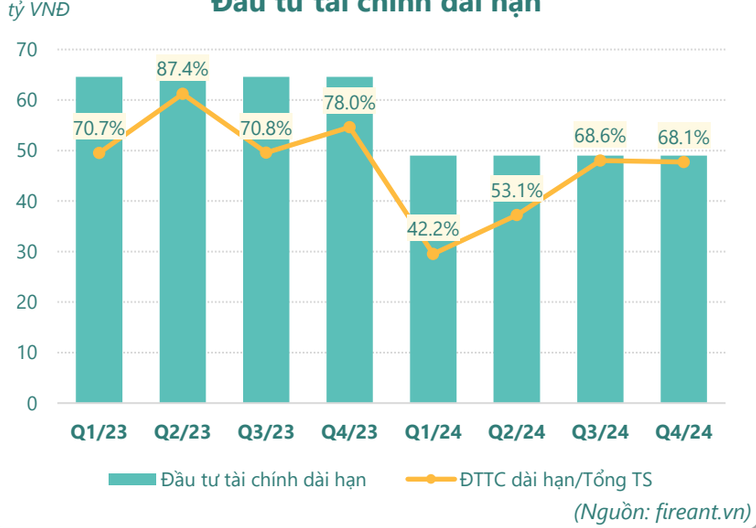
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



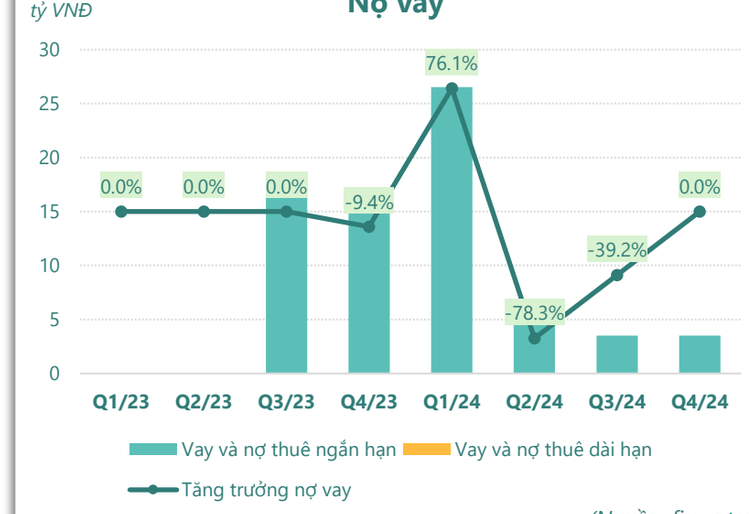
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

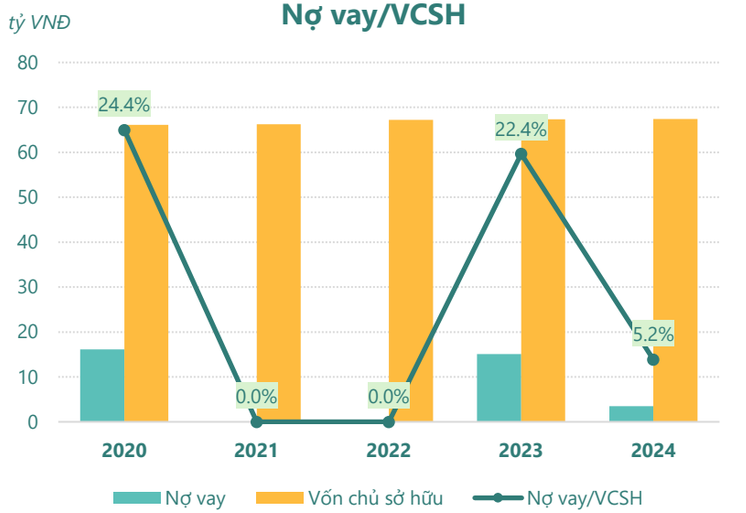
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

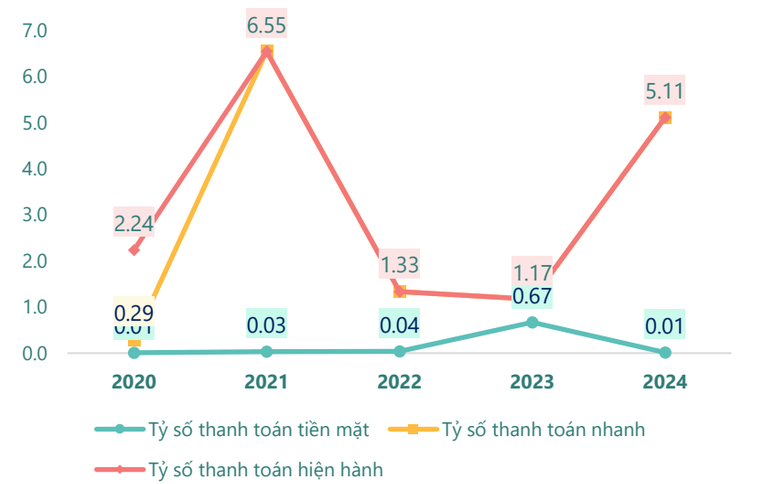
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



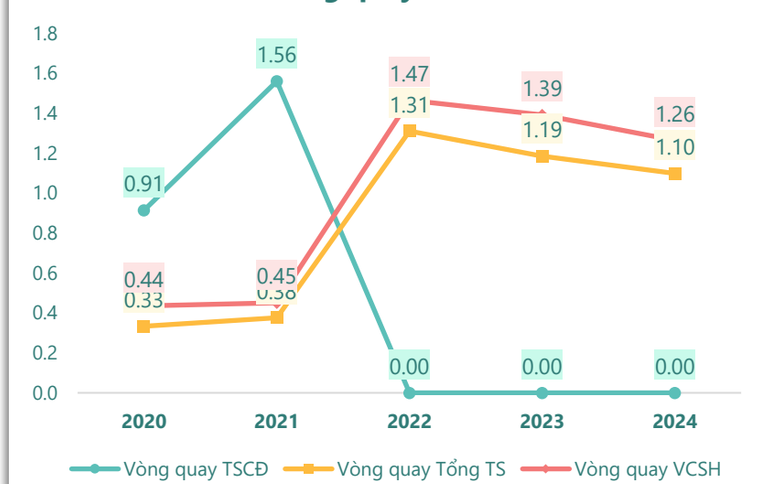
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



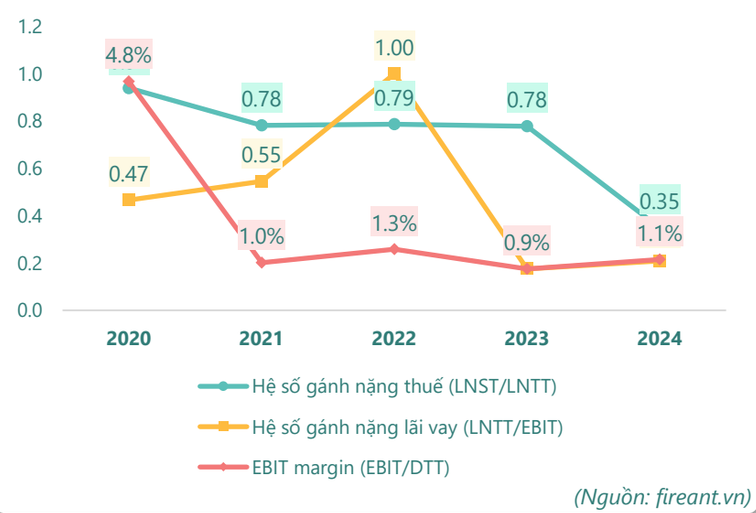
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



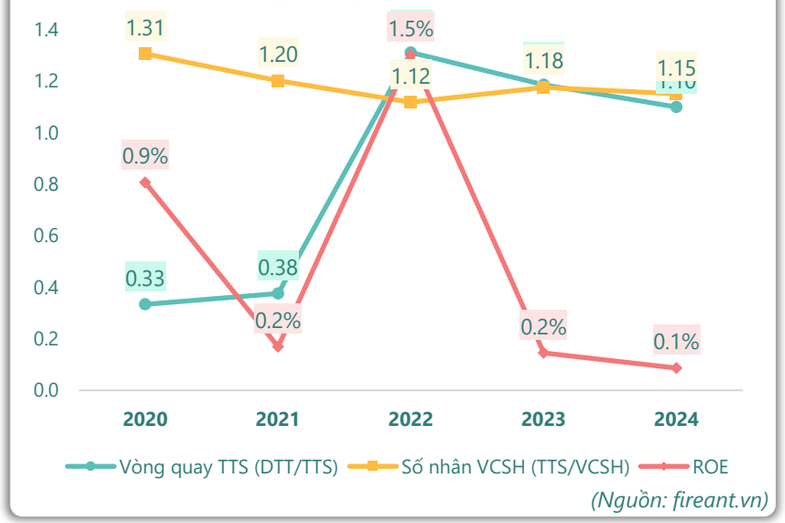
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



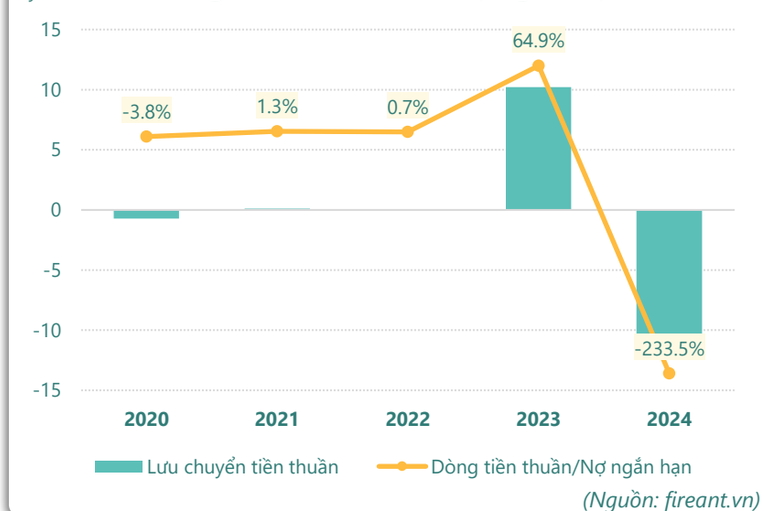
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**40.5**	**-100%**	**85.2**	**93.7**	**-9.1%**
Giá vốn hàng bán	0	38.0	-100%	80.6	89.6	-10.1%
Lợi nhuận gộp	0	2.56	-100%	4.66	4.11	13.5%
Doanh thu HĐTC	0.52	0.05	934%	2.16	0.26	737%
Chi phí TC	0	0.56	-100%	0.83	0.68	21.7%
Chi phí lãi vay	0	0.55	-100%	0.72	0.68	6.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	2.19	-100%	3.60	2.95	21.8%
Chi phí QLDN	**0.48**	**0.15**	**221%**	**2.19**	**0.57**	**284%**
LN thuần từ HĐKD	0.04	-0.29	112%	0.20	0.16	26.8%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.01**	**-0.02**	**23.3%**
LN trước thuế	0.04	-0.29	112%	0.19	0.14	33.1%
Lợi nhuận sau thuế	**0.04**	**-0.21**	**117%**	**0.07**	**0.11**	**-40.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.04**	**-0.21**	**117%**	**0.07**	**0.11**	**-40.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.5	0.61	-15.6	38.0	-18.4	-0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	15.6	0.01	-18.4	0.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.6	-1.57	11.5	-20.8	-2.25	0
Tiền đầu kỳ	8.10	11.3	10.5	22.0	39.2	0.15
Lưu chuyển tiền thuần	**3.17**	**-0.96**	**11.5**	**17.2**	**-39.0**	**-0.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.3	10.3	22.0	39.2	0.15	0.06

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**71.9**	**83.1**	**-13.5%**
Tài sản ngắn hạn	22.9	18.4	24.4%
Tiền và tương đương tiền	0.06	10.5	-99.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	21.8	7.65	184%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.07	0.22	378%
Tài sản dài hạn	**49.0**	**64.7**	**-24.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	64.6	-24.1%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.08**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.48	15.7	-71.5%
Nợ ngắn hạn	**4.48**	**15.7**	**-71.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.50	15.1	-76.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.10	0.00	66334%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**67.4**	**67.4**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**67.4**	**67.4**	**0.1%**
Vốn điều lệ	60.5	60.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)